TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Toàn;

2. Bà Phạm Thị Kim Thu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đức Trung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 ngày 7 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị PTM, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số 3/49 A, phường B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh NTP, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số 10, tổ C, phường D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị PTM trình bày:

Chị PTM và anh NTP kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận B, thành phố Hải Phòng vào ngày 15/6/2012. Sau khi kết hôn, chị PTM và anh NTP sinh sống với nhau hạnh phúc được một thời gian và có với nhau 01 con chung. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Năm 2018,

anh NTP phải đi chấp hành án nên vợ chồng càng xa cách, ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị PTM đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn với anh NTP.

Về con chung: Chị PTM và anh NTP có 01 con chung là cháu F, sinh ngày 27/8/2012. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật, vì hiện nay chị và cháu F đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ, chị có việc làm, thu nhập ổn định. Bố mẹ đẻ chị hỗ trợ về vật chất và tinh thần, chăm sóc con cho chị để chị yên tâm làm việc.

Về cấp dưỡng nuôi con chị đề nghị tự thỏa thuận với anh NTP, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị PTM đề nghị tự thỏa thuận với anh NTP, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn là anh NTP:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng đã tống đạt hợp lệ các thông báo, Quyết định của Tòa án nhưng anh NTP đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh; mặt khác, anh NTP cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị PTM, tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh NTP đều vắng mặt.

- *Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:* Chị PTM và anh NTP là vợ chồng, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn gì thì địa phương không nắm được, hiện nay chị PTM và con trai đã về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống. Nay chị PTM có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị có 01 con chung, hiện chị PTM đang trực tiếp nuôi dưỡng, địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho con chung. Về tài sản chung: Địa phương không nắm được anh chị có những tài sản chung gì.

- *Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Hải Phòng*: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị PTM, xử chị PTM được ly hôn anh NTP. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu F, sinh ngày 27/8/2012 cho chị PTM được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị PTM và anh NTP tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật.Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Bị đơn là anh NTP có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại phường D, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là vắng mặt mặc dù đã được tống đạt, thông báo hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị PTM và anh NTP kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E (nay là phường B, thành phố Hải Phòng) vào ngày 15/6/2012 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn, chị PTM về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh NTP đến Tòa án để lấy lời khai về việc chị PTM có đơn xin ly hôn, nhưng anh NTP không hợp tác, cũng không có văn bản thể hiện quan điểm của mình. Không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không có mặt tại phiên tòa. Điều này thể hiện anh NTP không có ý thức hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị PTM được ly hôn anh NTP là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị PTM và anh NTP có 01 con chung là cháu F, sinh ngày 27/8/2012. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị PTM tại nhà bố mẹ đẻ chị, được bố mẹ hỗ trợ về mọi mặt, chị có thu nhập ổn đinh. Cháu F có đơn đề nghị được ở cùng với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và giao con chung

cho chị PTM được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị PTM và anh NTP tự thoả thuận không đề nghị nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị PTM và anh NTP tự thỏa thuận, không đề nghị nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị PTM là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị PTM.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị PTM được ly hôn anh NTP.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu F, sinh ngày 27/8/2012 cho chị PTM trực tiếp nuôi dưỡng. Việc nuôi con chung của chị PTM được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị PTM và anh NTP tự thỏa thuận, không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị PTM và anh NTP tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị PTM phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số 0000097 ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng; chị PTM đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị PTM và anh NTP (vắng mặt) tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 3 - Hải Phòng;
- Phòng THADS Khu vực 3- Hải Phòng;
- UBND phường B, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quỳnh Như